TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK** Bản án số: **34**/2026/DS-ST Ngày: 12/02/2026. V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Kiều Chi và ông Phạm Cảm .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Phan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk: Bà Kiều Thị Hồng Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025; Theo định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXX- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn G, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Mai Nguyên Hoàng S, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn G, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L (nguyên đơn) và ông Mai Nguyên Hoàng S (bị đơn) chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 20/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống với nhau giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và không thể giải quyết được. Cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung khiến không khí gia đình luôn căng thẳng.

Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống được

nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Mai Nguyên Hoàng S.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Mai Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2011 và Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2013.

Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng phía bị đơn ông Mai Nguyên Hoàng S vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 6, Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Mai Nguyên Hoàng S.

Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2011 và cháu Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2013 cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Mai Nguyên Hoàng S được thăm nom con mà không bị ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào 20/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là E, tỉnh Đắk Lắk) là tự nguyện và đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia phiên tòa cũng như các buổi hòa giải đoàn tụ của Tòa án, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn.

HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 02 con chung tên 02 con chung tên Mai Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2011 và cháu Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2013 hiện đang ở với nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng của các con. Bị đơn không tham gia tố tụng và không thể hiện được thiện và quan điểm đối với việc nuôi dưỡng các con chung; Vì vậy, cần giao cháu Đ và cháu H cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi cho trẻ chưa thành niên. Bị đơn được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Bị đơn được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật nhân và đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp nên cần ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 5, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 6, Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được ly hôn với bị đơn ông Mai Nguyên Hoàng S.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2011 và cháu Mai Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/8/2013.

Giao cháu M Nguyễn Linh Đ và cháu M Nguyễn Ngọc H cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (hai cháu hiện đang ở với nguyên đơn).

Ông Mai Nguyên Hoàng S được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật nhân và đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng nộp tại biên lai thu tiền số 0001624 ngày 07/10/2025 nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND* tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk (GCNKH số 164 ngày 20/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH